

Số: 468/QĐ-ĐVSG

TP.HCM, ngày 01 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
ngành Tiếng Trung Quốc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 3502/QĐ-BGDĐT ngày 4 tháng 7 năm 2007 Quyết định số 5983/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2007 về thành lập Trường và theo Quyết định số 818/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên thành Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 1013/QĐ-GDĐT-TC ngày 15 tháng 07 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp Hồ Chí Minh về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn nhiệm kỳ 2013 - 2018;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-GDĐT-TC ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp Hồ Chí Minh về việc công nhận Hội đồng Quản trị Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn nhiệm kỳ 2013 - 2018;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư 03/ 2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ký ngày 01 tháng 03 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc hệ Cao đẳng ngày 14/10... tháng 10... năm 2018... của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Tiếng Trung Quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu VT,ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Lâm

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 468/QĐ-ĐVSG-DT ngày 01 tháng 11 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn)*

- Tên ngành : Tiếng Trung Quốc
- Mã ngành : 6220209
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông dự thi tốt nghiệp THPT Quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc theo đề án tuyển sinh riêng của trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn.
- Thời gian đào tạo : 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo này nhằm mục tiêu đào tạo các cử nhân có trình độ Cao đẳng tiếng Trung, chuyên ngành biên phiên dịch có đạo đức nghề nghiệp tốt, phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Với khối kiến thức thực hành tiếng và kiến thức chuyên ngành, sinh viên sau khi ra trường có khả năng làm việc trong các công ty, doanh nghiệp nước ngoài, trong lĩnh vực thương mại, kinh tế, ngoại giao hoặc có thể liên thông lên Đại học cùng khối ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho người học những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm kiến thức nền cho cử nhân ngành tiếng Trung; những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Trung (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) cũng như văn hoá, văn học và những kiến thức về lĩnh vực kinh tế thương mại của quốc gia này.

1.2.2. Về kỹ năng

Trang bị cho người học có khả năng sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) tương đương với cấp độ 4 theo tiêu chuẩn đánh giá trình độ tiếng Hán (HSK) để phục vụ mục đích nghề nghiệp.

1.2.3. Về thái độ

Cử nhân tiếng Trung biên phiên dịch có phẩm chất chính trị tốt và có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao đối với cộng đồng và Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người học sau khi ra trường có thể làm việc ở các lĩnh vực như: các cơ quan 100% vốn nước ngoài, các Công ty liên doanh.

Có thể đảm nhận chức danh phiên dịch, biên dịch tại các doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Trợ lý phiên dịch các công ty liên doanh với nước ngoài.

Trợ lý biên dịch trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, có tổ chức tài chính, ngân hàng, tín dụng.

Làm việc trong các trung tâm ngoại ngữ, các trường trung học, tiểu học, cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội.

Có khả năng tự tạo lập các trung tâm giảng dạy tiếng Trung riêng cho bản thân.

Từ những kiến thức cơ bản đã được học, người học khi ra trường có thể học liên thông lên đại học cùng khối ngành.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học	: 43 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 135 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương	: 525 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn	: 2790 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 1138 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập	: 1984 giờ
- Giờ kiểm tra	: 193 giờ

3. Nội dung chương trình:

MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	TH/ BT	Kiểm tra
I.	Các môn học chung/đại cương					

021101	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75	45	25	5
021102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	28	0	2
021103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	27	13	5
021104	Ngoại ngữ 2 phần 1 – Tiếng Anh	4	90	30	55	5
0211005	Ngoại ngữ 2 phần 2 – Tiếng Anh	4	90	30	55	5
021108	Tin học đại cương	3	105	15	80	10
021109	Pháp luật đại cương	2	30	21	7	2
021110	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	21	7	2
021111	Tâm lý giao tiếp cộng đồng	2	30	21	7	2
021112	Giáo dục thể chất		90	0	80	10
021113	Giáo dục Quốc phòng		135	30	100	5
Tổng		27	525	238	249	38
II.	Các môn học chuyên ngành					
II.1	Môn học cơ sở ngành và khối ngành					
021114	Nghe 1	3	60	30	25	5
021115	Nói 1	3	60	30	25	5
021116	Đọc 1	3	60	30	25	5
021117	Viết 1	3	60	30	25	5
021118	Nghe 2	3	60	30	25	5
021119	Nói 2	3	60	30	25	5
021120	Đọc 2	3	60	30	25	5
021121	Viết 2	3	60	30	25	5
021122	Nghe 3	3	60	30	25	5
021123	Nói 3	3	60	30	25	5
021124	Đọc 3	3	60	30	25	5
021125	Viết 3	3	60	30	25	5
Tổng		36	720	360	300	60

II.2	Môn học chuyên ngành					
	Các môn học bắt buộc					
021126	Nghe 4	3	60	30	25	5
021127	Nói 4	3	60	30	25	5
021128	Đọc 4	3	60	30	25	5
021129	Viết 4	3	60	30	25	5
021130	Chuyên đề ngữ pháp	4	90	30	55	5
021131	Ngữ âm thực hành	4	90	30	55	5
021132	Văn tự - Từ vựng học	4	90	30	50	10
021133	Lý thuyết dịch	3	90	30	55	5
021134	Văn hóa Trung Quốc	4	90	30	55	5
021135	Văn học Trung Quốc	3	60	30	25	5
021136	Dịch viết 1	4	90	30	55	5
021137	Dịch nói 1	4	90	30	55	5
021138	Dịch Viết 2	3	60	30	25	5
021139	Dịch nói 2	3	60	30	25	5
021140	Hán ngữ thương mại	3	60	30	25	5
Tổng		50	1110	450	580	80
II.3	Môn học tự chọn (Chọn 3 trong tổng số 6 tín chỉ)					
021141	Giao thoa văn hóa	3	60	30	25	5
021142	Văn bản thư tín Trung Quốc	3	60	30	25	5
Tổng		3	60	30	25	5
II.4	Kiến thức bổ trợ đặc thù					
021143	Soạn thảo hợp đồng thương mại tiếng Trung	3	60	30	25	5
021144	Tiếng Trung Tài chính Ngân hàng	3	60	30	25	5
Tổng		6	120	60	50	10
II.5	Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp					

021145	Thực tập tốt nghiệp	8	480	0	480	0
021146	Khóa luận tốt nghiệp	5	300	0	300	0
Tổng		13	780	0	780	0
TỔNG CỘNG		135	3315	1138	1984	193

** Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

** Về giờ học:*

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút

- 1 tiết học thực hành/tích hợp = 60 phút

- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết

- 1 tín chỉ thực hành

(tại phòng thực hành, thảo luận, ...) = 30 tiết.

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

** Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.*

** Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH về việc Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội.*

** Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.*

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

** Cách tính điểm TBC kiểm tra: trọng số 0,4. Trong đó:*

(1). Điểm thái độ:

Trọng số 0,3

(2). Điểm kiểm tra thường xuyên + định kỳ:

Trọng số 0,7

=> Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = (Điểm thái độ x 0,3) + (Điểm kiểm tra x 0,7)/2

* Điểm thi kết thúc học phần:

Trọng số 0,6

4.4. Hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Tiếng Trung Quốc và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình mới được làm khóa luận tốt nghiệp. Khoa Ngoại ngữ có trách nhiệm phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm khóa luận theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Lâm





SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **TIẾNG TRUNG QUỐC**

Mã ngành: 6220209

